

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500  
Khu tái định cư Nhon Phước mở rộng về phía Bắc**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Nhon Phước mở rộng về phía Bắc;*

*Căn cứ Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Nhon Phước mở rộng về phía Bắc;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 460/TTr-STC ngày 04/10/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung như sau:

- Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Nhon Phước mở rộng về phía Bắc.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.
- Phạm vi ranh giới và diện tích quy hoạch: Khu đất quy hoạch có tổng diện tích 6,015ha; trong đó: 2,407 ha thuộc xã Nhon Hội, thành phố Quy Nhơn và 3,608ha thuộc xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước. Khu vực có giới cận như sau:
  - + Phía Đông giáp đường bê tông hiện trạng;
  - + Phía Tây giáp đầm Thị Nại;
  - + Phía Nam giáp đường giao thông hiện trạng;
  - + Phía Bắc giáp mặt nước.

- Đơn vị tư vấn thực hiện lập đề án quy hoạch: Công ty TNHH Lê Nguyễn.

Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Chi phí đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị theo CĐT đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán
1	2	3	4	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>174.002.546</b>	<b>142.112.000</b>	<b>142.922.000</b>
1	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	11.654.834	11.654.000	11.654.000
2	Chi phí thiết kế quy hoạch	82.658.400	82.044.000	82.044.000
3	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	1.908.658	1.908.000	1.908.000
4	Chi phí thẩm định đề án quy hoạch	9.242.712	9.242.000	9.242.000
5	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch	7.965.264		
6	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	1.653.168		
7	Chi phí công bố quy hoạch	2.479.752		
8	Chi phí khảo sát địa hình	42.701.000	37.264.000	37.264.000
9	Chi phí giám sát khảo sát địa hình	1.738.758		
10	Chi phí cắm mốc giới ra thực địa	12.000.000		
11	Chi phí thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành			810.000

### 2. Nguồn vốn

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán đề nghị	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán đề nghị

					<b>phê duyệt</b>	<b>phê duyệt</b>
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	<b>Tổng số</b>	<b>174.002.546</b>	<b>142.922.000</b>	<b>142.112.000</b>	<b>810.000</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn ngân sách nhà nước</b>	<b>174.002.546</b>	<b>142.922.000</b>	<b>142.112.000</b>	<b>810.000</b>	
	- Đã thanh toán năm 2021 từ nguồn sự nghiệp kinh tế (kế hoạch năm 2020 chuyển sang)			142.112.000		
	- Số còn được thanh toán tiếp				810.000	
	- Số phải thu hồi nộp NSNN					

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: không.

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản **142.922.000 đồng** (Một trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<b>Tổng số</b>	<b>142.922.000</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn đã được thanh toán năm 2021</b>	<b>142.112.000</b>	
	Vốn Ngân sách tỉnh (Nguồn vốn chi sự nghiệp kinh tế năm 2020 chuyển sang)	142.112.000	
<b>II</b>	<b>Vốn chưa được thanh toán</b>	<b>810.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vốn phải thu hồi nộp NSNN</b>	<b>0</b>	

- Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

Tổng nợ phải thu: 0 đồng;

Tổng nợ phải trả: 810.000 đồng (Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản: không.

**Điều 4.** Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán chi phí theo đúng quy định của Nhà nước.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- CT, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6 (09b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**